**các vấn đề chưa rõ**

**trong việc triển khai các dự án đầu tư**

***Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam***

**1. Về bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.**

Khoản 3 Điều 58 Luật đất đai quy định:

*“3. Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải có các điều kiện sau đây:*

*a) Có năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư;*

*b) Ký quỹ theo quy định của pháp luật về đầu tư;*

*c) Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khác.”*

 Với quy định trên, ký quỹ là biện pháp duy nhất để bảo đảm thực hiện dự án đối với trường hợp nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư. Quy định như vậy đã hạn chế các hình thức bảo đảm thực hiện dự án khác như bảo lãnh của Ngân hàng, đặt cọc bằng Séc của Ngân hàng... Do vậy, TKV đề xuất xem xét sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 58 của Luật đất đai theo hướng mở rộng các hình thức bảo đảm để thực hiện dự án nhằm linh hoạt cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện.

 **2. Về việc sử dụng đất đối với trường hợp dự án bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật về đầu tư.**

 Tại nội dung của mục g, khoản 1, Điều 48 của Luật đầu tư quy định:

“*1. Dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:*

*g) Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật này;”*

Với quy định này, nếu sau 12 tháng mà dự án không có khả năng thực hiện theo tiến độ đăng ký (không tính trường hợp được giãn tiến độ) sẽ bị chấm dứt.

Trong khi đó, Luật đất đai cho phép Chủ đầu tư được phép chậm tối đa 24 tháng so với tiến độ đăng ký, cụ thể theo mục i khoản 1, Điều 64 của Luật đất đai quy định:

*“1. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm:*

*i) Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng.*”

 Như vậy, khoảng thời gian tối đa mà chủ đầu tư được phép chậm so với tiến độ đăng ký tại 2 luật này là chưa tương thích. TKV đề xuất xem xét sửa đổi lại nội dung này của 2 luật trên để đảm bảo thống nhất khi triển khai.

 **3. Về quyền cho thuê tài sản gắn liền với đất thuê trả tiền hàng năm:**

 Tại Điều 175 Luật đất đai hiện hành quy định về “Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm” không quy định doanh nghiệp được quyền cho thuê tài sản gắn liền với đất thuê trả tiền hàng năm. Do vậy, đề nghị xem xét bổ sung quy định về việc này để đảm bảo sự đồng bộ với Bộ Luật Dân sự, Luật kinh doanh bất động sản cũng như tạo cơ sở pháp lý cho doanh nghiệp thực hiện.

 **4. Về huy động vốn:**

 Theo các quy định về xây dựng và đầu tư hiện tại, TKV đã phê duyệt đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn vay thương mại theo thẩm quyền mà không cần phải có yêu cầu cam kết thu xếp huy động vốn của các tổ chức tín dụng, tuy nhiên quá trình thực hiện việc huy động vốn có thể thu xếp vay từ các tổ chức tín dụng ngoài nước và trong trường hợp phải xin Chính phủ bảo lãnh thì việc phê duyệt đầu tư dự án và thực hiện dự án lại không phù hợp với Luật đầu tư công. TKV đề nghị xem xét và có hướng dẫn để thực hiện cho phù hợp.

**5. Luật đấu thầu số 43/2012/QH13**

Hiện nay, trong quá trình lựa chọn nhà thầu một số gói thầu mua sắm hàng hóa với tính chất đơn giản có hình thức lựa chọn nhà thầu “Chào hàng cạnh tranh” hoặc “Đấu thầu rộng rãi trong nước” được bên mời thầu/chủ đầu tư tổ chức các bước theo đúng qui định về đầu thầu, tuy nhiên thường xảy ra hiện tượng: (i) Chỉ có 01 nhà thầu có hồ sơ đề xuất hợp lệ; đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm; tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt” đối với gói thầu có hình thức chào hàng cạnh tranh và (ii) Chỉ có 01 nhà thầu có hồ sơ dự thầu vượt qua các bước năng lực kinh nghiệm, kỹ thuật được xem xét về giá hoặc được mở hồ sơ đề xuất về giá. Tuy nhiên giá chào của “nhà thầu duy nhất” đều vượt giá gói thầu được duyệt và hiện tượng này vẫn tiếp tục xảy ra kể cả khi các gói thầu được tổ chức đấu thầu lại, trong khi giá thực hiện gói thầu có thể không vượt hoặc thấp hơn nếu áp dụng hình thức chỉ định thầu mà hàng hóa trong gói thầu vẫn đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.

Để đảm bảo hiệu quả đầu tư dự án, TKV đề xuất xem xét hướng dẫn hoặc cho phép chỉ định thầu cho nhà thầu thực hiện đảm bảo không vượt/thấp hơn giá gói thầu đồng thời hàng hóa vẫn đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật của dự án nếu xảy ra hiện tượng nêu trên.

**6. Phân cấp quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư và Phân công thực hiện quyền và trách nhiệm chủ sở hữu theo các Luật, Nghị định:**

***6.1. Phân cấp quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư***

6.1.1. Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014:

- Tại điểm a, khoản 1 điều 24 quy định: *“Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp,* ***Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định từng dự án đầu tư****, xây dựng, mua, bán tài sản cố định với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án* ***nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công****”.*

6.1.2. Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014:

- Tại khoản 2, điều 60 quy định: *“Đối với dự án sử dụng vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản nhà nước,* ***vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước****, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, giá trị quyền sử dụng đất của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước góp vốn để đầu tư xây dựng thì thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng được quy định như sau:*

*a) Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia;*

***b) Người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật quyết định đầu tư dự án***.

- Tại khoản 3, điều 60 quy định: *“Đối với dự án sử dụng vốn khác,* ***chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư*** *xây dựng dự án trong phạm vi quyền hạn* ***theo quy định của pháp luật****”.*

6.1.3. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (đối với TKV):

- Đối với doanh nghiệp nhà nước (Công ty mẹ - TKV):

Tại điểm a, khoản 2, điều 91 quy định: Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây: *“Quyết định các nội dung theo quy định tại Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp”.*

- Đối với công ty cổ phần (công ty con của TKV):

Tại điểm d, khoản 2, điều 135 quy định: Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây: *“Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác”.*

***6.2. Phân công thực hiện quyền và trách nhiệm chủ sở hữu:***

Theo Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 “Về phân công phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp”, Nghị định số 212/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 “Về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam” quy định:

- Tại khoản 1 điều 41, Nghị định 212/2013/NĐ-CP: “***Hội đồng thành viên là đại diện chủ sở hữu nhà nước trực tiếp tại TKV***; được giao thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu theo quy định tại điều lệ và quy định của pháp luật”

- Tại khoản 6 điều 42 Nghị định 212/2013/NĐ-CP: Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên: ***“6. Quyết định các dự án đầu tư nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn của Tập đoàn đã được cấp có thẩm phê duyệt...”***

Căn cứ quy định trên, khi Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 “Về đầu tư vốn nhà nước vào Doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ” ban hành, TKV đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ và được Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ ***“***V/v thẩm quyền quyết định dự án đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại văn bản số 4246/VPCP-KTN ngày 11/6/2014, theo đó : ***“Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam thực hiện phê duyệt các dự án theo đúng quy định tại Nghị định số 212/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013”***.

***6.3. Ý kiến, đề xuất xem xét:***

Nội dung quy định về thẩm quyền phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án nhóm A của Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 cũng như Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 (trước đây) so với Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Nghị định số 212/2013/NĐ-CP có sự khác biệt (như đã nêu trên);

Theo phân công của Chính phủ (Chủ sở hữu) thì Hội đồng thành viên là đại diện chủ sở hữu nhà nước tại TKV, đối chiếu với quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 thì Hội đồng thành viên của Tập đoàn kinh tế được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án nhóm A (theo quy định phân nhóm tại Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/6/2015), nhưng lại không phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, số 69/2014/QH13;

Mặt khác, theo các quy định hiện hành: Chính phủ và Bộ quản lý ngành chỉ phê duyệt chiến lược, kế hoạch dài hạn, danh mục dự án nhóm A, B hàng năm, chưa có văn bản hướng dẫn hay quy định Chính phủ và Bộ quản lý ngành về phê duyệt dự án, quyết định đầu tư dự án nhóm A đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và vốn khác.

Để có cơ sở thực hiện các dự án đầu tư và xây dựng của TKV phù hợp và tuân thủ các quy định hiện hành, TKV đề nghị xem xét, có hướng dẫn thực hiện quy định của các Luật với nội dung sau:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm Chủ sở hữu của Hội đồng thành viên TKV trong việc phê duyệt dự án đầu tư, quyết định đầu tư xây dựng đối với các dự án nhóm A (kể cả điều chỉnh dự án nhóm A) theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và hướng dẫn tại văn bản số 4246/VPCP-KTN ngày 11/6/2014 của Văn phòng Chính Phủ.

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị công ty con cổ phần của TKV (không phải doanh nghiệp nhà nước) trong việc phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng (kể cả điều chỉnh dự án nhóm A) đối với các Dự án nhóm A.

**7. Về tổ chức quản lý dự án:**

Hiện nay Bộ Xây dựng đã có Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng, do vậy đề nghị xem xét chỉnh sửa lại Luật Xây dựng cho phù hợp.

**8. Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính Phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng:**

***8.1. Đối với nội dung tại khoản 1, điều 1 - Sửa đổi bổ sung khoản 2, khoản 3 và khoản 5 điều 10:***

8.1.1. Phần nội dung tại điểm a, khoản 2, điều 10 có quy định: “Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 76 Nghị định này chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ giao; dự án nhóm A; ***dự án từ nhóm B trở xuống****,….”. Đồng thời* điểm b, khoản 2, điều 10 có quy định: “Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 76 Nghị định này chủ trì thẩm định đối với các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 ***đối với các dự án quy mô từ nhóm B trở xuống***;…”,

- Đề nghị viết lại để phân biệt rõ đối với các *Dự án từ nhóm B trở xuống* thì dự án nào sẽ được Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định, Dự án nào do Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định.

8.1.2. Tương tự nội dung sửa đổi tại điểm a, b khoản 3 điều 10, cần viết lại để phân biệt rõ ***thiết kế cơ sở (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án quy mô từ nhóm B trở xuống thì***dự án nào sẽ được Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định, Dự án nào do Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định.

 ***8.2. Đối với quy định tại khoản 3, điều 1 sửa đổi khoản 1 điều 21 Nghị định 59:***

 “Chủ đầu tư sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn trực thuộc để trực tiếp quản lý đối với dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình và dự án đầu tư xây dựng công trình từ cấp III trở xuống có tổng mức đầu tư dưới 5 (năm) tỷ đồng, dự án có sự tham gia của cộng đồng và dự án có tổng mức đầu tư dưới 2 (hai) tỷ đồng do Uỷ ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư.”

- Để nâng cao tính chủ động cho doanh nghiệp, đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án, đề nghị xem xét nâng mức trần về tổng mức đầu tư đối với các công trình, dự án mà Chủ đầu tư được trực tiếp quản lý.

***8.3. Ngoài nội dung Dự thảo sửa đổi trên, TKV báo cáo:***

8.3.1. Tại điều 30, Nghị định 59/2015/NĐ-CP có quy định: “...Trường hợp không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, *cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư được yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp* đã đăng ký công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng để chủ đầu tư ký kết hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định.”

- Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác thẩm định đề nghị giao Chủ đầu tư chủ động tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp đã đăng ký công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng để ký kết hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định.

8.3.2. Theo thống kê năm 2015, 2016 số lượng các dự án từ nhóm B trở xuống của TKV và các đơn vị thành viên > 400 dự án, vì vậy việc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước trình Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định thiết kế dẫn đến quá tải cho cơ quan quản lý nhà nước và cán bộ trực tiếp thẩm định làm kéo dài thời gian triển khai dự án làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

***- TKV báo cáo và đề xuất:***

+ Phân cấp cho tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước được thẩm định thiết kế đối với các Dự án nhóm B, nhóm C do tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và các đơn vị thành viên của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước làm chủ đầu tư;

+ Phân cấp cho tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước được thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán (trường hợp thiết kế ba bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán (trường hợp thiết kế hai bước) đối với các Dự án nhóm A do tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và các đơn vị thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước làm chủ đầu tư (Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở).

8.3.3. Đề nghị nghiên cứu và có hướng dẫn bổ sung đối với các nội dung:

- Trình tự tổ chức dự án đầu tư đối với Dự án nhóm B, nhóm C không có trong quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng.

- Quy định về thủ tục, về chủ trương đầu tư đối với Dự án nhóm B, nhóm C không sử dụng vốn đầu tư công.

- Nội dung thiết kế xây dựng, thiết kế công nghệ,..., lập, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án nhiều loại công trình.

**9. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư :**

Chưa có hướng dẫn trong công tác lựa chọn đơn vị tư vấn lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; Theo quy định tại Khoản 20, Điều 1, và Khoản 21, Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014 thì Luật Xây dựng chỉ điều chỉnh các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và quản lý nhà nước trong hoạt động đầu tư xây dựng bao gồm: lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát xây dựng, quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng và hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình. Do đó, tại bước lập báo cáo chủ trương đầu tư, các công tác như lập và phê duyệt đề cương, khảo sát sơ bộ, lên phương án thiết kế sơ bộ, xác định sơ bộ tổng mức đầu tư… chưa có cơ sở rõ ràng để tổ chức thực hiện.

**10. Về việc thẩm định thiết kế cơ sở:**

Theo quy định tại khoản 4, điều 1, Nghị định số 42/2017/NĐ-Cp về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP:

Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

*a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại**khoản 2 Điều 58 của Luật xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ giao, dự án nhóm A; dự án nhóm B, dự án nhóm C (trừ các dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật) do các cơ quan ở trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (sau đây gọi chung là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước) hoặc tổng công ty trực thuộc bộ quyết định đầu tư; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh trở lên, trừ các dự án quy định tại điểm c, đ khoản này;*

*đ) Trường hợp Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có đủ điều kiện năng lực và có đề nghị được tự tổ chức thẩm định, Bộ trưởng Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chủ trì tổ chức thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với dự án nhóm B, dự án nhóm C có công trình xây dựng từ cấp II trở xuống do tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư thuộc chuyên ngành do Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành quản lý.*

*Việc phân cấp, ủy quyền phải đảm bảo các nguyên tắc, điều kiện theo quy định của pháp luật. Người được phân cấp, ủy quyền thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định do mình thực hiện. Kết quả thẩm định phải được gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành để theo dõi, quản lý theo quy định.*

- Báo cáo và đề xuất:

+ Việc thẩm định thiết kế cơ sở *(trừ phần thiết kế công nghệ)* là chưa hợp lý vì : Trong một dự án thì thiết kế Phần Xây dựng và thiết kế công nghệ phải đồng nhất với nhau, do đó đơn vị nào Chủ trì thẩm định phải thực hiện đồng thời công tác thẩm định phần thiết kế công nghệ.

+ Cần quy định rõ loại Dự án, công trình cụ thể để trình Bộ quản lý chuyên ngành (Ví dụ: Dự án xây dựng nhóm A, công trình công nghiệp thì trình Bộ Xây Dựng hay Bộ Công Thương...

**11. Về việc quy định Ban Quản lý dự án chuyên ngành :**

Cần quy định rõ Ban quản lý dự án chuyên ngành thực hiện quản lý các dự án nhiều chuyên ngành khác nhau (Nếu chức năng, nhiệm vụ, năng lực đảm bảo thực hiện nhiều chuyên ngành khác nhau).

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |